

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

NGUYỄN KHÁNH TOÀN

NGHIÊN CỨU NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG
ĐẾN THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
Ở TỈNH QUẢNG NINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

THÁI NGUYÊN - 2013

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

NGUYỄN KHÁNH TOÀN

**NGHIÊN CỨU NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG
ĐẾN THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
Ở TỈNH QUẢNG NINH**

**Chuyên ngành: Quản lý kinh tế
Mã số: 60.34.04.10**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: TS. Bạch Hồng Việt

THÁI NGUYÊN - 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng tất cả những số liệu sơ cấp và kết quả nghiên cứu trong đề tài này là kết quả trong suốt quá trình thực hiện đề tài của tôi và chưa từng được sử dụng trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác.

Tất cả những số liệu thứ cấp, phần trích dẫn tài liệu tham khảo đều được chỉ rõ nguồn gốc.

Thái Nguyên, tháng 6 năm 2013

Tác giả luận văn

Nguyễn Khánh Toàn

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành Luận văn này, trước hết em xin trân trọng bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới toàn thể các thầy giáo, cô giáo trường Đại học Thái Nguyên cùng toàn thể các thầy cô đã trực tiếp tham gia giảng dạy, cung cấp những tri thức khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho em trong thời gian học tập và nghiên cứu.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới TS. Bạch Hồng Việt - Thầy giáo đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo, giúp đỡ em trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Tác giả xin chân thành cảm ơn Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Ban Quản lý các khu Công nghiệp tỉnh Quảng Ninh, đã tạo điều kiện thuận lợi giúp tôi có những tư liệu quý báu để hoàn thành luận văn; Cảm ơn gia đình, bạn bè và các đồng nghiệp đã động viên, giúp đỡ, tạo điều kiện cho tôi học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Dù đã có rất nhiều cố gắng trong quá trình thực hiện đề tài, song những thiếu sót trong luận văn chắc chắn không thể tránh khỏi. Tác giả rất mong được đón nhận sự chỉ dẫn, góp ý của các nhà khoa học, của các thầy giáo, cô giáo và đồng nghiệp.

Xin chân thành cảm ơn!

Thái nguyên, tháng 6 năm 2013

Tác giả

Nguyễn Khánh Toàn

MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| LỜI CAM ĐOAN..... | i |
| LỜI CẢM ƠN | ii |
| MỤC LỤC..... | iii |
| DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT | vi |
| DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ | vii |
| MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Tính cấp thiết của đề tài..... | 1 |
| 2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài..... | 3 |
| 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài | 4 |
| 4. Những đóng góp mới của đề tài | 4 |
| 5. Ý nghĩa khoa học của đề tài..... | 5 |
| 6. Bố cục của đề tài | 6 |
| Chương 1: NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI - CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN | 7 |
| 1.1. Khái niệm, bản chất, đặc điểm và các hình thức cơ bản của đầu tư trực tiếp nước ngoài | 7 |
| 1.1.1. Khái niệm về đầu tư trực tiếp nước ngoài..... | 7 |
| 1.1.2. Bản chất và đặc điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài..... | 8 |
| 1.1.3. Các hình thức cơ bản của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)..... | 10 |
| 1.1.4. Nguyên nhân hình thành của hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài | 12 |
| 1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI | 14 |
| 1.3. Kinh nghiệm thu hút FDI của một số địa phương trong nước | 16 |
| 1.3.1. Kinh nghiệm thu hút FDI vào Đà Nẵng..... | 16 |
| 1.3.2. Kinh nghiệm thu hút FDI vào Thành phố Hà Nội..... | 17 |
| 1.3.3. Bài học cho Quảng Ninh | 19 |
| Chương 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU | 22 |
| 2.1. Các câu hỏi đặt ra trong quá trình nghiên cứu | 22 |

| | |
|--|-----------|
| 2.2. Phương pháp nghiên cứu | 22 |
| 2.2.1. Chọn điểm nghiên cứu..... | 22 |
| 2.2.2. Phương pháp nghiên cứu chung..... | 22 |
| 2.2.3. Mô hình SWOT | 23 |
| 2.2.4. Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI..... | 24 |
| 2.2.5. Phương pháp thu thập thông tin | 26 |
| 2.2.6. Phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh | 28 |
| Chương 3: THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU | |
| HÚT FDI TẠI QUẢNG NINH GIAI ĐOẠN 2006 - 2012 | 31 |
| 3.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên của Quảng Ninh..... | 31 |
| 3.1.1. Về địa hình | 31 |
| 3.1.2. Về khí hậu | 32 |
| 3.1.3. Hệ thống sông ngòi và chế độ thủy văn | 33 |
| 3.1.4. Tài nguyên..... | 34 |
| 3.2. Thực trạng thu hút FDI giai đoạn 2006 -2012 tại Quảng Ninh..... | 34 |
| 3.2.1. Tình hình thu hút vốn đầu tư | 34 |
| 3.2.2. Cơ cấu vốn đầu tư | 37 |
| 3.2.2.1. Cơ cấu theo đối tác đầu tư..... | 37 |
| 3.2.2.2. Cơ cấu theo hình thức đầu tư | 38 |
| 3.2.2.3. Cơ cấu theo địa bàn đầu tư..... | 40 |
| 3.2.2.4. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề..... | 45 |
| 3.2.2.5. Quy hoạch | 48 |
| 3.3. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI tại Quảng Ninh..... | 50 |
| 3.3.1. Nguồn nhân lực..... | 50 |
| 3.3.2. Cơ chế chính sách | 53 |
| 3.3.3. Xúc tiến đầu tư..... | 56 |
| 3.4. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm..... | 62 |
| 3.4.1. Nguyên nhân thành chủ quan | 62 |

| | |
|--|-----------|
| 3.4.3. Ứng dụng phân tích SWOT trong việc tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh | 66 |
| 3.4.4. Bài học kinh nghiệm | 67 |
| Chương 4: MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM TĂNG CƯỜNG THU HÚT FDI TẠI QUẢNG NINH GIAI ĐOẠN 2013-2020 | 68 |
| 4.1. Bối cảnh quốc tế..... | 68 |
| 4.2. Bối cảnh trong nước..... | 69 |
| 4.3. Bối cảnh Quảng Ninh | 70 |
| 4.4. Quan điểm, mục tiêu và định hướng thu hút FDI của Quảng Ninh | 71 |
| 4.4.1. Quan điểm | 71 |
| 4.4.2. Định hướng thu hút đầu tư..... | 72 |
| 4.4.3. Mục tiêu, chỉ tiêu | 76 |
| 4.4.4. Một số giải pháp nhằm tăng cường thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2013-2020 | 77 |
| 4.4.4.1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể thu hút FDI | 77 |
| 4.4.4.2. Tích cực đổi mới công tác vận động xúc tiến đầu tư..... | 78 |
| 4.4.4.3 Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính | 80 |
| 4.4.4.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực địa phương | 81 |
| 4.4.4.5. Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu kinh tế | 83 |
| 4.4.4.6. Xây dựng các chính sách ưu đãi đầu tư hợp lý | 86 |
| 4.4.5. Một số kiến nghị, đề xuất | 88 |
| KẾT LUẬN..... | 90 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 92 |

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|--------|---|
| AFTA | Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN |
| CNH | Công nghiệp hóa |
| ĐTNN | Đầu tư nước ngoài |
| GCNĐT | Giấy chứng nhận đầu tư |
| GDP | Tổng sản phẩm quốc nội |
| DNLD | Doanh nghiệp liên doanh |
| FDI | Đầu tư trực tiếp nước ngoài |
| HDH | Hiện Đại hóa |
| IMF | Quỹ tiền tệ quốc tế |
| KKT | Khu kinh tế |
| KCN | Khu công nghiệp |
| KCX | Khu chế xuất |
| LLLĐ | Liên đoàn lao động |
| OECD | Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế |
| ODA | Hỗ trợ phát triển chính thức |
| UBND | Ủy Ban Nhân dân |
| UNCTAD | Diễn đàn Thương mại và phát triển Liên hợp quốc |
| VCCI | Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam |
| WTO | Tổ chức thương mại thế giới |
| XHCN | Xã hội chủ nghĩa |
| XTĐT | Xúc tiến đầu tư |

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ

| | |
|---|----|
| Bảng 3.1: Tình hình cấp phép đầu tư ở Quảng Ninh từ 1989 - 2012 | 36 |
| Bảng 3.2: Cơ cấu vốn đầu tư theo hình thức đầu tư | 39 |
| Bảng 3.3: Cơ cấu đầu tư theo địa bàn | 41 |
| Bảng 3.4: Cơ cấu vốn đầu tư theo ngành nghề (Triệu USD)..... | 46 |
| Bảng 4.1: Danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào Quảng Ninh (tr.USD)..... | 76 |
| | |
| Biểu đồ 3.1. Nguồn vốn đầu tư qua các năm | 35 |
| Biểu đồ 3.2: Cơ cấu vốn đầu tư 2009, 2012 theo hình thức đầu tư | 39 |
| Biểu đồ 3.3: Cơ cấu đầu tư theo địa bàn | 44 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế hiện nay, mỗi quốc gia đều phải năng động để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và chủ động hội nhập quốc tế. Một trong những vấn đề nêu trên là tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài cho sự phát triển nhanh, bền vững. Cùng với quá trình hội nhập sâu vào nền kinh tế quốc tế, hoạt động thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã có đóng góp nhất định vào quá trình tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, thay đổi cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, tăng cường năng lực quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp.... Theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại hội nghị tổng kết 25 năm ban hành Luật Đầu tư nước ngoài, số vốn đầu tư nước ngoài giải ngân tại Việt Nam đạt 100 tỷ USD. Khu vực FDI đóng góp ngày càng nhiều cho phát triển kinh tế, từ mức 1,8 tỷ USD (giai đoạn 1994 - 2000) lên 14,2 tỷ USD (giai đoạn 2001 - 2010). Năm 2012, khu vực FDI (không bao gồm dầu thô) nộp ngân sách 3,7 tỷ USD, chiếm 11,9% tổng thu ngân sách.

Không thể phủ nhận sự đóng góp của các doanh nghiệp FDI cho tăng trưởng kinh tế, nhưng cũng thẳng thắn thừa nhận chúng ta chưa chuẩn bị tốt các điều kiện cần thiết đảm bảo cho nguồn vốn đầu tư nước ngoài vận hành một cách hiệu quả như: kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực... Đặc biệt, hệ thống pháp luật, chính sách và thủ tục chưa đồng bộ, thiếu nhất quán, thậm chí thay đổi liên tục... gây khó khăn cho hoạt động đầu tư. Điều bản khoăn nhất của các doanh nghiệp nước ngoài khi đầu tư vào Việt Nam là môi trường thu hút đầu tư. Nhiều doanh nghiệp rất ngại đầu tư vào Việt Nam bởi thủ tục hành chính rườm rà, môi trường đầu tư kém hấp dẫn, có nhiều văn bản pháp luật chồng chéo nhưng lại thiếu chặt chẽ ... Vì vậy, môi trường đầu tư có tác động rất lớn đến hoạt động FDI. Điều kiện tự nhiên thuận lợi, sự ổn định